kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, yêu cầu báo cáo về Bộ Thương mại và Ban Vật giá Chính phủ để bổ sung, sửa đổi Thông tư này cho phù hợp./.

KT. Bộ trưởng Bộ Thương mại
Thứ trưởng
HỒ HUẤN NGHIÊM

KT. Trưởng ban Ban Vật giá Chính phủ
Phó Trưởng ban
NGUYỄN NGỌC VINH

BỘ TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH số 97/2001/QĐ-BTC ngày 02/10/2001 về việc ban hành Quy chế Phân phối và sử dụng tiền lãi cho vay từ Quỹ Quốc gia hỗ trợ việc làm.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về quyền hạn, trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ và cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Sau khi có ý kiến của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Công văn số 2241/LĐTBXH-VPVL ngày 30/7/2001) và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Công văn số 5302/BKH-LĐVX ngày 07/8/2001);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp và Tổng giám đốc Kho bạc Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Phân phối và sử dụng tiền lãi cho vay từ Quỹ Quốc gia hỗ trợ việc làm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2001 và thay thế các Quyết định số 950/TC-HCSN ngày 17/10/1996 và Quyết định số 811/QĐ-TC-HCSN ngày 26/6/1998 của Bộ Tài chính.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng cơ quan Trung ương các đoàn thể, Bộ, ngành được giao quyền quản lý Quỹ Quốc gia hỗ trợ việc làm, Tổng giám đốc Kho bạc Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng
NGUYỄN THỊ KIM NGÂN

QUY CHẾ Phân phối và sử dụng tiền lãi cho vay từ Quỹ Quốc gia hỗ trợ việc làm

(ban hành kèm theo Quyết định số 97/2001/QĐ-BTC ngày 02/10/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Việc phân phối và sử dụng số tiền lãi thu được từ cho vay Quỹ Quốc gia hỗ trợ việc làm bao gồm Quỹ Hỗ trợ việc làm có nguồn gốc từ ngân sách trung ương (sau đây gọi là Quỹ Hỗ trợ việc làm trung ương) và Quỹ Giải quyết việc làm có nguồn gốc từ ngân sách địa phương (sau đây gọi là Quỹ Hỗ trợ việc làm địa phương) đã thực thu vào Kho bạc nhà nước được áp dụng theo các quy định của Quy chế này.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09659090

Điều 2. Số tiền lãi thu được sau khi trích lập Quỹ Dự phòng rủi ro được phân phối cho các đơn vị được hưởng theo nguyên tắc tương ứng với số vốn cho vay được giao quản lý và kết quả cho vay, thu nợ của các đơn vị.

Việc phân phối tiền lãi được thực hiện hàng quý. Đối với khoản tiền lãi chuyển về trung ương, Kho bạc Nhà nước Trung ương mở tài khoản theo dõi và cấp cho các đơn vị được thụ hưởng theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Số tiền lãi phân phối cho các đơn vị được dùng để hỗ trợ công tác hướng dẫn, thẩm định và quản lý dự án của chương trình việc làm. Việc quản lý và sử dụng nguồn tiền lãi được phân phối thực hiện như nguồn kinh phí được cấp phát từ ngân sách nhà nước và phải báo cáo quyết toán với cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định hiện hành.

Chương II

PHÂN PHỐI TIỀN LÃI

Điều 4. Số tiền lãi thực thu vào Kho bạc nhà nước từ cho vay Quỹ Hỗ trợ việc làm trung ương được phân phối như sau:

1. Trích 40% để bù đắp chi phí quản lý liên quan đến việc cho vay, thu hồi vốn vay của hệ thống Kho bạc nhà nước (trong đó 30% bù đắp chi phí quản lý, 10% chi hỗ trợ cho cán bộ trực tiếp làm công tác cho vay, thu nợ).

2. Trích 26% - 30% (tỷ lệ cụ thể của từng địa phương theo phụ lục đính kèm) để hỗ trợ công tác hướng dẫn, thẩm định, tổ chức thực hiện và quản lý dự án tại địa bàn từ cấp cơ sở (xã, phường, chủ dự án) đến Ban chỉ đạo cấp huyện, cấp tỉnh, thành phố (kể cả các đoàn thể có triển khai dự án trên địa bàn từ nguồn vốn do đoàn thể Trung ương ra quyết định cho vay).

3. Trích 4% chuyển về Kho bạc Nhà nước Trung ương để hỗ trợ kinh phí hoạt động của các cơ quan quản lý chương trình ở Trung ương và cơ quan Trung ương các đoàn thể, Bộ, ngành được phân bổ nguồn vốn cho vay.

4. Phần còn lại chuyển về Kho bạc Nhà nước Trung ương để lập Quỹ Dự phòng rủi ro.

Điều 5. Số tiền lãi thực thu vào Kho bạc nhà nước từ cho vay Quỹ Hỗ trợ việc làm địa phương được phân phối như sau:

1. Trích 40% để bù đắp chi phí liên quan đến việc quản lý cho vay, thu hồi vốn vay của hệ thống Kho bạc nhà nước (trong đó 30% bù đắp chi phí quản lý, 10% chi hỗ trợ cho cán bộ trực tiếp làm công tác cho vay, thu nợ).

2. Trích 30% để hỗ trợ công tác hướng dẫn, thẩm định, tổ chức thực hiện và quản lý dự án tại địa bàn từ cấp cơ sở (xã, phường, chủ dự án) đến Ban chỉ đạo cấp huyện, cấp tỉnh.

3. Trích 30% lập Quỹ Dự phòng rủi ro để lại địa phương (được quản lý tại Kho bạc nhà nước tỉnh).

Điều 6. Phân cấp quyết định phân phối tiền lãi cho vay:

1. Ở cấp tỉnh, căn cứ số tiền lãi thực thu được do Kho bạc nhà nước tỉnh thông báo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định phân phối cho các đơn vị được hưởng (bao gồm cả các dự án của các đoàn thể, Bộ, ngành triển khai trên địa bàn do cơ quan trung ương các đoàn thể, Bộ, ngành ra quyết định cho vay) theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội sau khi có ý kiến tham gia của Sở Tài chính - Vật giá. Tùy theo điều kiện của từng tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thể ủy quyền cho Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ra quyết định phân phối.

2. Ở cấp Trung ương, căn cứ vào số kinh phí thực chuyển về do Kho bạc Nhà nước Trung ương thông báo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ra quyết định phân phối cho các đơn vị trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Văn phòng chương trình Quốc gia về việc làm.

Chương III

SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ KINH PHÍ TỪ NGUỒN TIỀN LÃI ĐƯỢC CẤP

Điều 7. Đối với khoản tiền lãi 40% dành bù

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

đắp chi phí liên quan đến việc quản lý cho vay, thu hồi vốn vay của hệ thống Kho bạc nhà nước, Kho bạc Nhà nước Trung ương hướng dẫn việc quản lý, sử dụng theo đúng quy định hiện hành.

Điều 8. Đối với các khoản tiền lãi 26% - 30% dành cho các đơn vị quản lý chương trình ở địa phương và 4% dành cho các đơn vị quản lý chương trình ở Trung ương sử dụng và quyết toán như sau:

1. Nội dung chi:

- Chi hỗ trợ về văn phòng phẩm, in ấn tài liệu phục vụ triển khai tập huấn nghiệp vụ hướng dẫn xây dựng dự án, xét duyệt thẩm định dự án, thông tin báo cáo và quản lý các dự án.

- Chi hướng dẫn nghiệp vụ, sơ kết, tổng kết công tác cho vay giải quyết việc làm. Mức chi thực hiện theo chế độ quy định của Nhà nước đối với hội nghị.

- Chi cho công tác tuyên truyền, hướng dẫn trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Chi làm thêm giờ, công tác phí cho cán bộ trực tiếp thẩm định, kiểm tra theo dõi, quản lý dự án. Mức chi theo chế độ Nhà nước quy định.

- Chi lương cho cán bộ hợp đồng trực tiếp làm nhiệm vụ thẩm định, kiểm tra, theo dõi quản lý dự án theo mức lương ghi trong hợp đồng phù hợp với quy định của Nhà nước.

- Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, dụng cụ văn phòng phục vụ công tác cho vay giải quyết việc làm (bàn, ghế, tủ, máy vi tính, máy phô tô), hỗ trợ mua sắm phương tiện đi lại (xe máy, xuồng, ghe) đối với những địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng sông nước đi lại khó khăn để phục vụ công tác kiểm tra, thẩm định cho vay, thu hồi nợ.

- Chi cho công tác khảo sát, điều tra lao động và đánh giá chương trình, hỗ trợ nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện chính sách, soạn thảo và ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện chương trình.

- Chi khen thưởng cho đơn vị, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác hướng dẫn, tổ chức cho vay và thu hồi vốn vay của chương trình. Mức chi tối đa đối với đơn vị là 400.000 đồng/năm, cá nhân là 200.000 đồng/năm. Riêng đối với những tỉnh có tỷ lệ nợ quá hạn thấp mức dưới 3%, vốn tồn đọng thấp mức dưới 5% mức chi tối đa đối với đơn vị là 1.000.000 đồng/năm, cá nhân là 500.000 đồng/năm.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định khen thưởng đối với các đơn vị ở địa phương là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đối với các Bộ, ngành, Hội, đoàn thể ở Trung ương do Bộ trưởng, Chủ tịch cơ quan Trung ương Hội, đoàn thể.

- Chi cho hỗ trợ tiền xăng xe, công tác phí đối với cán bộ các cơ quan pháp luật, chính quyền địa phương các cấp, các đoàn thể tham gia đi thu nợ trong trường hợp không đòi được nợ (không được thanh toán 5% trên tổng số tiền thực thu nợ gốc quy định tại điểm 1 Điều 9 của Quy chế này).

2. Lập dự toán:

Hàng năm, các đơn vị được phân phối tiền lãi lập dự toán chi tiết đến từng mục chi theo quy định của Mục lục Ngân sách nhà nước hiện hành gửi cơ quan Kho bạc nhà nước, tài chính đồng cấp (ở địa phương gửi Kho bạc nhà nước và Sở Tài chính - Vật giá tỉnh; ở Trung ương gửi Kho bạc Nhà nước Trung ương và Vụ Hành chính sự nghiệp - Bộ Tài chính) làm cơ sở cấp kinh phí. Đầu quý IV hàng năm, căn cứ số lãi được phân phối trong năm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và yêu cầu nhiệm vụ phát sinh trong năm, các đơn vị lập dự toán điều chỉnh gửi cơ quan Kho bạc nhà nước, tài chính đồng cấp làm cơ sở theo dõi quản lý và quyết toán.

Riêng, đối với các chủ dự án cấp xã được chi theo số phân bổ và các nội dung quy định tại Quy chế này, quyết toán các khoản chi chung vào chi phí nghiệp vụ chuyên môn (mục 119, tiểu mục chi khác).

3. Quyết toán:

Hàng năm, các đơn vị quyết toán nguồn lãi được phân phối và kinh phí sử dụng với cơ quan tài chính như sau:

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

- Đối với kinh phí phân phối theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đơn vị quyết toán với Sở Tài chính - Vật giá (có xác nhận của Kho bạc nhà nước về số kinh phí cấp), Sở Tài chính - Vật giá tổng hợp báo cáo về Bộ Tài chính.

- Đối với kinh phí phân phối theo quyết định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, đơn vị quyết toán với Bộ Tài chính.

- Đối với số kinh phí phân phối cho Kho bạc Nhà nước tỉnh: Kho bạc nhà nước tỉnh quyết toán với Kho bạc Nhà nước Trung ương. Kho bạc Nhà nước Trung ương tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính.

Việc chi tiêu phải theo đúng dự toán được duyệt, trường hợp điều chỉnh nội dung chi tiêu trong phạm vi số vốn được duyệt, đơn vị phải có công văn gửi cơ quan kho bạc, tài chính đồng cấp để xin điều chỉnh. Mọi trường hợp chi tiêu ngoài dự toán được duyệt đều không được chấp nhận quyết toán. Những đơn vị không báo cáo quyết toán năm, cơ quan kho bạc có quyền đình chỉ chuyển tiền lãi cho đơn vị cho đến khi đơn vị có báo cáo quyết toán mới chuyển tiền lãi đợt tiếp theo.

Điều 9. Khoản tiền lãi chuyển về Kho bạc Nhà nước Trung ương để trích lập Quỹ Dự phòng rủi ro (thu được từ nguồn Quỹ Hỗ trợ việc làm Trung ương) được sử dụng và quyết toán như sau:

1. Nội dung chi:

- Bù đắp các khoản vốn vay từ nguồn vốn của Trung ương bị tổn thất do các nguyên nhân bất khả kháng được cấp có thẩm quyền quyết định xóa nợ.

- Trích bồi dưỡng cho cơ quan công an, viện kiểm sát, tòa án, cơ quan chính quyền các cấp, các đoàn thể có tham gia thu hồi nợ quá hạn khó đòi.

- Chi trả tòa án phí theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Bổ sung Quỹ Quốc gia hỗ trợ việc làm theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sau khi đã thống nhất với Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Cấp phát và quyết toán:

- Đối với các khoản vốn vay bị rủi ro bất khả kháng được xử lý xóa nợ thực hiện theo quy định của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn xử lý đối với các dự án vay vốn Quỹ Quốc gia hỗ trợ việc làm bị rủi ro bất khả kháng.

- Đối với các khoản vốn vay nợ quá hạn khó đòi: Kho bạc nhà nước đã đôn đốc nhiều lần nhưng chủ dự án cố tình dây dưa không chịu trả, buộc phải chuyển hồ sơ dự án sang cơ quan chính quyền, công an, pháp luật để phối hợp thu nợ, sau khi chủ dự án trả nợ (vốn gốc và lãi, kể cả lãi phạt quá hạn), Kho bạc nhà nước chi trả bồi dưỡng cho các cơ quan tham gia thu nợ số tiền bằng 5% trên tổng số vốn gốc thu được.

- Nguồn chi trả cho các cơ quan phối hợp thu nợ: Kho bạc nhà nước địa phương tạm ứng kinh phí để chi trả đồng thời 6 tháng và hàng năm báo cáo với Kho bạc Nhà nước Trung ương (gửi kèm bảng kê chứng từ có liên quan về việc bồi dưỡng cho các cơ quan tham gia thu nợ) để làm cơ sở xem xét cấp kinh phí hoàn trả lại số kinh phí Kho bạc địa phương. Kho bạc Nhà nước Trung ương có nhiệm vụ tổng hợp báo cáo quyết toán với liên Bộ số kinh phí đã chi phí cho việc thu nợ khó đòi.

- Đối với các dự án nợ quá hạn khó đòi phải chuyển hồ sơ cho tòa án: Kho bạc nhà nước địa phương nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định về án phí, lệ phí của tòa án. Sau đó căn cứ quyết định của tòa án, trường hợp Kho bạc nhà nước không phải chịu án phí được hoàn trả lại toàn bộ tiền án phí, trường hợp phải chịu một phần án phí, Kho bạc nhà nước lập báo cáo quyết toán (kèm bảng kê chứng từ nộp án phí) gửi Kho bạc Nhà nước Trung ương để làm cơ sở cấp kinh phí hoàn trả chi phí về án phí cho Kho bạc nhà nước địa phương.

Điều 10. Khoản tiền lãi để trích lập Quỹ Dự phòng rủi ro (thu được từ cho vay Quỹ Hỗ trợ việc làm địa phương) nêu tại điểm 3 Điều 5 được sử dụng cho các nội dung sau:

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

- Bù đắp các khoản vốn vay từ nguồn vốn của địa phương bị tổn thất do các nguyên nhân bất khả kháng được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xóa nợ.

- Trích bồi dưỡng cho cơ quan công an, viện kiểm sát, tòa án, cơ quan chính quyền các cấp, các đoàn thể có tham gia thu hồi nợ quá hạn khó đòi.

- Chi trả tòa án phí theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Bổ sung Quỹ Hỗ trợ việc làm địa phương.

Việc phân phối và sử dụng theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trên cơ sở đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Kho bạc nhà nước và Sở Tài chính - Vật giá địa phương./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

NGUYỄN THỊ KIM NGÂN

Phụ lục

QUY ĐỊNH TỶ LỆ TRÍCH LÃI HỖ TRỢ KINH PHÍ QUẢN LÝ CHO CÁC ĐƠN VỊ Ở ĐỊA PHƯƠNG

Số thứ tự	Tên địa phương	Tỷ lệ trích lãi
1	Hà Nội	26%
2	Hải Phòng	26%
3	Thành phố Hồ Chí Minh	26%
4	Thành phố Đà nẵng	26%
5	Hà Tây	26%
6	Hà Nam	26%
7	Nam Định	26%
8	Hải Dương	26%
9	Hưng Yên	26%
10	Thái Bình	26%
11	Long An	28%
12	Tiền Giang	28%
13	Bến Tre	28%
14	Đồng tháp	28%
15	Vĩnh Long	28%
16	An Giang	28%
17	Kiên Giang	28%
18	Cần Thơ	28%
19	Bạc Liêu	28%
20	Cà Mau	28%
21	Trà Vinh	28%
22	Sóc Trăng	28%
23	Bắc Giang	26%
24	Bắc Ninh	26%
25	Phú Thọ	28%
26	Vĩnh Phúc	28%
27	Ninh Bình	26%
28	Thanh Hóa	30%
29	Nghệ An	30%
30	Hà Tĩnh	30%
31	Quảng Bình	30%
32	Quảng Trị	30%
33	Thừa Thiên - Huế	30%
34	Bình Thuận	30%
35	Bà Rịa - Vũng Tàu	28%
36	Đồng Nai	26%
37	Bình Dương	26%
38	Bình Phước	30%
39	Tây Ninh	28%
40	Quảng Nam	30%
41	Bình Định	30%
42	Khánh Hòa	28%
43	Quảng Ngãi	30%
44	Phú Yên	30%
45	Ninh Thuận	30%
46	Bắc Cạn	30%
47	Thái Nguyên	30%
48	Cao Bằng	30%
49	Lạng Sơn	30%
50	Tuyên Quang	30%
51	Hà Giang	30%
52	Yên Bái	30%
53	Lào Cai	30%
54	Hòa Bình	30%
55	Sơn La	30%
56	Lai Châu	30%
57	Lâm Đồng	30%
58	Gia Lai	30%
59	Đắc Lắc	30%
60	Kon Tum	30%
61	Quảng Ninh	30%

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09659090